

Số: 32 /2018/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 06 tháng 11 năm 2018

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 9.....
	Ngày: 16/11/18.....

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư và phân cấp thẩm quyền phê duyệt, thẩm định, thẩm tra các công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư để bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trụ sở các cơ quan, đơn vị và các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 99/TTr-STC ngày 12/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư và phân cấp thẩm quyền phê duyệt, thẩm định, thẩm tra các công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư để bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trụ sở các cơ quan, đơn vị và các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

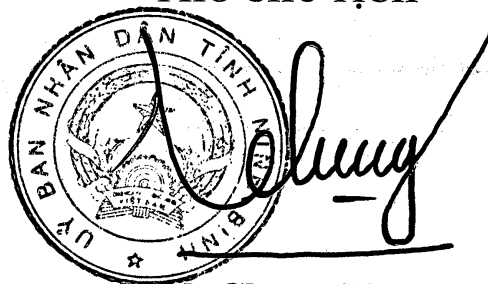
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 16/11/2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Lãnh đạo UBND tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Công Báo tỉnh;
 - Lưu: VT, VP1,2,3,4,5.
- B/82.QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Chung Phụng

QUY ĐỊNH

**Quản lý nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư và phân cấp
thẩm quyền phê duyệt, thẩm định, thẩm tra các công trình sử dụng nguồn
vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư để bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp,
mở rộng cơ sở vật chất trụ sở các cơ quan, đơn vị và các công trình hạ tầng
kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32 /2018/QĐ-UBND ngày 06 /11/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc quản lý nguồn kinh phí nêu tại Điều 3 Quy định này và phân cấp thẩm quyền phê duyệt, thẩm định, thẩm tra các công trình sử dụng nguồn kinh phí nêu tại Điều 3 Quy định này để bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trụ sở các cơ quan, đơn vị và các công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Quy định này không điều chỉnh đối với:

- a) Các dự án có sử dụng nguồn vốn đầu tư công;
- b) Các dự án đầu tư xây dựng mới;
- c) Các dự án sử dụng toàn bộ nguồn vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư;
- d) Các dự án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng có tính chất đặc thù đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật riêng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp; các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị) thuộc địa phương quản lý.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trụ sở trong khuôn viên các cơ quan, đơn vị và các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng nguồn kinh phí nêu tại Điều 3 Quy định này.

Điều 3. Nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư

1. Nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước được cơ quan có thẩm quyền giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị.

2. Nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Nguồn thu từ phí được sử dụng theo quy định của pháp luật; nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân.

4. Nguồn kinh phí từ thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Nguồn kinh phí từ Quỹ Bảo trì đường bộ để thực hiện các nội dung chi có tính chất đầu tư theo quy định.

6. Nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư khác theo quy định.

Điều 4. Quản lý nguồn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư

1. Nguồn kinh phí nêu tại Điều 3 Quy định này chỉ được sử dụng cho việc bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất trụ sở các cơ quan, đơn vị và các công trình hạ tầng kỹ thuật, bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình có quy mô nhỏ, tính chất kỹ thuật đơn giản phù hợp với quy hoạch đã được duyệt.

2. Kinh phí để thực hiện bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo và được tổng hợp vào dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Đối với nguồn kinh phí quy định tại Khoản 1 Điều 3 Quy định này, các cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch vốn chỉ được thực hiện trong phạm vi mức vốn được giao hàng năm và khả năng cân đối vốn của đơn vị, không làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

4. Đối với công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng, cơ quan được giao quản lý, sử dụng kinh phí lập thiết kế - dự toán (không phải lập báo cáo kinh tế kỹ thuật); đối với công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên, cơ quan được giao quản lý, sử dụng kinh phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án (không phải lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư). Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt thiết kế - dự toán; báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Quy định này.

5. Kinh phí để thực hiện bảo trì, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và các công trình hạ tầng kỹ thuật phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật và tại Quy định này.

Chương II

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT, THẨM ĐỊNH, THẨM TRA DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt thiết kế-dự toán; báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đối với các công trình có chi phí thực hiện từ 01 tỷ đồng trở lên.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao quản lý, sử dụng kinh phí quyết định phê duyệt thiết kế-dự toán hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với các công trình có chi phí thực hiện dưới 01 tỷ đồng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng đối với nguồn kinh phí giao cho các đơn vị trực thuộc quản lý, sử dụng.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao quản lý, sử dụng kinh phí quyết định phê duyệt thiết kế-dự toán các công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc đầu tư các công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã và các công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc các chương trình mục tiêu, chương trình mục tiêu quốc gia được giao.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể phân cấp hoặc ủy quyền quyết định đầu tư các công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc ngân sách cấp huyện.

5. Các công trình phải được thẩm định trước khi phê duyệt; thẩm quyền thẩm định đối với các công trình nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này thực hiện theo Điều 6 Quy định này.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền thẩm định thiết kế - dự toán; báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án

1. Các sở quản lý chuyên ngành về xây dựng thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đối với các công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 5 Quy định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tự tổ chức thẩm định thiết kế - dự toán đối với các công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các công trình quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định phê duyệt thiết kế - dự toán; báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với các công trình quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Quy định này tự thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với những công trình do mình phê duyệt.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán

1. Đối với các công trình có chi phí thực hiện dưới 500 triệu đồng: Các cơ quan, đơn vị tổng hợp chung trong báo cáo quyết toán hàng năm theo quy định tại Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo, và tổng hợp quyết toán năm.

2. Đối với các công trình có chi phí thực hiện từ 500 triệu đồng trở lên: Ngoài việc lập quyết toán hàng năm theo quy định như Khoản 1 Điều này, các cơ quan, đơn vị lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

Thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán thực hiện theo Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc phân cấp và ủy quyền quản lý công trình đầu tư bằng nguồn vốn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 12/5/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình v/v bãi bỏ Khoản 1 và sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 2 Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình v/v phân cấp và ủy quyền quản lý dự án đầu tư bằng các nguồn vốn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và nội dung cụ thể tại Quy định này.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản có quy định khác với nội dung của Quy định này thì thực hiện theo văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên. Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời bằng văn bản gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định./. *ĐK*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Chung Phụng